

TỜ TRÌNH

Về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình và dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020 và cho ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

Trên cơ sở các quy định tại khoản 7 Điều 17, khoản 2 Điều 27, khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật Đầu tư công, Điều 11 của Nghị định số 40/2020/NĐ-

CP, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình và dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công, theo các nội dung sau:

I. Nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình và dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công:

1. Về quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công:

Quyết định chủ trương đầu tư 07 dự án, với tổng mức đầu tư 3.100.091 triệu đồng (trong đó: nguồn vốn ngân sách trung ương là 1.622.242 triệu đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh là 1.360.013 triệu đồng). Cụ thể:

(1) Xây dựng mở rộng khu điều trị nội trú (nội trú 2) Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang, thành phố Long Xuyên:

Quy mô: Xây dựng mới Khối điều trị nội trú 09 tầng với tổng diện tích sàn là 10.776 m², trang thiết bị y tế; tổng mức đầu tư là 180.982 triệu đồng (trong đó nguồn vốn ngân sách tỉnh là 63.146 triệu đồng); thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(2) Mở rộng Bệnh viện Tim mạch An Giang (giai đoạn 2):

Quy mô: xây dựng mới Khối điều trị nội trú (140 giường), công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị theo công trình; tổng mức đầu tư là 104.912 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh; thời gian thực hiện 2024 - 2027.

(3) Đóng cửa, xử lý ô nhiễm môi trường các bãi rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang (xử lý 25 bãi rác ô nhiễm môi trường):

Quy mô: đóng cửa xử lý 25 bãi rác; tổng mức đầu tư là 182.132 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh; thời gian thực hiện 2021 - 2024.

(4) Xây dựng tuyến đường liên kết vùng, đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp:

Quy mô: chiều dài tuyến là 20,96 km; tổng mức đầu tư là 2.139.102 triệu đồng (trong đó: nguồn vốn ngân sách trung ương là 1.439.042 triệu đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh là 646.060 triệu đồng); thời gian thực hiện 2021 - 2024.

(5) Tạo quỹ đất và xây dựng cơ sở hạ tầng để bố trí trụ sở cơ quan, đơn vị và tái định cư thuộc Khu quy hoạch Bắc Hà Hoàng Hồ:

Quy mô: diện tích sử dụng đất 1,9ha; tổng mức đầu tư 174.179 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh; thời gian thực hiện 2021 - 2024.

(6) Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Quốc tế Vĩnh Xương:

Quy mô: tổng diện tích xây dựng là 79.864m²; tổng mức đầu tư là 245.445 triệu đồng (trong đó: nguồn vốn ngân sách trung ương là 129.200 triệu đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh là 116.245 triệu đồng); thời gian thực hiện 2021 - 2024.

(7) Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan trực thuộc:

Quy mô: tổng diện tích sàn khối nhà chính là 7.322m² (tối đa 05 tầng), công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật; tổng mức đầu tư là 73.339 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh; thời gian thực hiện 2021 - 2024.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)

2. Về điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình và dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công:

Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của 01 chương trình và 07 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công được phê duyệt tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 và Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với tổng mức đầu tư là 1.489.385 triệu đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách trung ương là 551.482 triệu đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh là 664.288 triệu đồng, cụ thể:

2.1. Về điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình sử dụng vốn đầu tư công:

Chương trình hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của HTX nông, lâm, ngư nghiệp tỉnh An Giang, giai đoạn 2016 – 2020 (chương trình được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh):

- Nguyên nhân điều chỉnh: do xử lý kỹ thuật (thay đổi giải pháp thi công phần móng của dự án HTX nông nghiệp Vĩnh Bình).

- Nội dung điều chỉnh: điều chỉnh tổng mức đầu tư tăng từ 9.800 triệu đồng lên 10.259 triệu đồng (tăng 459 triệu đồng).

2.2. Về điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công:

(1) Trung đoàn BB892 (giai đoạn xây dựng) (dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh):

- Nguyên nhân điều chỉnh: bổ sung quy mô dự án nhằm tạo cơ sở vật chất đồng bộ, phục vụ huấn luyện quân sự, học tập, sinh hoạt công tác, đáp ứng nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu cao trong mọi tình huống, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ quân sự quốc phòng địa phương trong tình hình mới; điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư dự án do cập nhật lại giá trị các chi phí sau khi thiết kế bước 02; điều chỉnh thời gian thực hiện để phù hợp với tiến độ thực hiện dự án.

- Nội dung điều chỉnh:

+ Bổ sung các hạng mục: khán đài cấp Trung đoàn; 02 đài quan sát phòng

không; kho chứa mô hình học vụ và vật chất huấn luyện; lát gạch vỉa hè hai bên trục đường; san lấp mặt bằng sân thể thao Tiểu đoàn BB512; hàng rào giáp ranh Ban Chỉ huy Quân sự huyện Châu Phú; thiết bị bếp lò hơi bếp nấu dầu diezen; đường đan bê tông cốt thép vào nhà kho mô hình học vụ, vật chất huấn luyện và nhà kho vật chất e và sân chào cờ Tiểu đoàn BB512; biển, bảng và trang trí khánh tiết các khối nhà Tiểu đoàn BB512. Kinh phí sử dụng từ nguồn tiết kiệm trong đấu thầu xây lắp, các khoản chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác không sử dụng của dự án.

+ Điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư dự án từ 108.035 triệu đồng thành 93.370 triệu đồng (giảm 14.665 triệu đồng).

+ Điều chỉnh thời gian thực hiện: năm 2017 - 2021.

(2) Trang bị trạm quan trắc môi trường tự động tỉnh An Giang (dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh):

- Nguyên nhân điều chỉnh: bổ sung thêm các hạng mục ở giai đoạn 02 nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư của dự án; điều chỉnh thời gian thực hiện để phù hợp với tiến độ thực hiện dự án.

- Nội dung điều chỉnh:

+ Điều chỉnh, bổ sung quy mô dự án, cụ thể như sau:

Giai đoạn 1: Đầu tư trang bị lắp đặt cho 07 trạm quan trắc tự động môi trường, nước mặt, đầu tư nâng cấp 01 trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt, thiết bị Trung tâm điều hành.

Giai đoạn 2: Đầu tư bổ sung trang bị lắp đặt cho 03 trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động, đầu tư trang bị lắp đặt cho 01 trạm quan trắc chất lượng không khí tự động, đầu tư nâng cấp 01 trạm quan trắc nước thải khu công nghiệp.

Chi phí thực hiện phân quy mô bổ sung sử dụng từ phân chênh lệch chi phí tại thiết kế bước 02 so với chi phí phê duyệt dự án ban đầu. Tổng mức đầu tư không thay đổi.

+ Điều chỉnh thời gian thực hiện: năm 2019-2021.

(3) Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bình Long (giai đoạn 1) (dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh):

- Nguyên nhân điều chỉnh: điều chỉnh thiết kế hồ sinh học, mở rộng thành hồ sự cố, đồng thời bổ sung các hạng mục hạ tầng thiết yếu khác để bảo đảm nhu cầu sử dụng; điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư dự án do cập nhật lại giá trị các chi phí sau khi thiết kế bước 02; điều chỉnh thời gian thực hiện để phù hợp với tiến độ thực hiện dự án.

- Nội dung điều chỉnh:

+ Điều chỉnh quy mô dự án để phù hợp với nhu cầu sử dụng.

+ Điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư giảm từ 102.486 triệu đồng thành 79.093 triệu đồng (giảm 23.393 triệu đồng).

+ Điều chỉnh thời gian thực hiện đến năm 2021.

(4) Xây dựng và nhân rộng mô hình “cánh đồng lớn” tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020 (dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh):

- Nguyên nhân điều chỉnh: điều chỉnh, bổ sung quy mô phần công trình Đê bao kiểm soát lũ và phần Đường cộ, điều chỉnh phạm vi thực hiện dự án; điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư do điều chỉnh quy mô dự án; điều chỉnh thời gian thực hiện để phù hợp với tiến độ thực hiện dự án.

- Nội dung điều chỉnh:

+ Điều chỉnh giảm quy mô còn 37 tiểu vùng, 30.653ha.

+ Điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư từ 347.012 triệu đồng thành 328.835 triệu đồng (giảm 18.177 triệu đồng) do giảm quy mô.

+ Điều chỉnh thời gian thực hiện đến năm 2022.

(5) Kiểm soát lũ vùng Tây sông Hậu, tỉnh An Giang (dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh):

- Nguyên nhân điều chỉnh: cắt giảm một số đoạn đê bao thuộc hạng mục Nâng cấp đê bao kết hợp giao thông do địa phương đã đầu tư, đồng thời bổ sung thêm 02 cống hở để khép vùng sản xuất; điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư do điều chỉnh quy mô dự án; điều chỉnh thời gian thực hiện để phù hợp với tiến độ thực hiện dự án.

- Nội dung điều chỉnh:

+ Điều chỉnh quy mô: 13,86 ha, 26 cống hở.

+ Điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư từ 400.076 triệu đồng thành 352.070 triệu đồng (giảm 48.006 triệu đồng).

+ Điều chỉnh thời gian thực hiện đến năm 2022.

(6) Xây dựng hệ thống thủy lợi vùng cao thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp cho đồng bào vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang (dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh):

- Nguyên nhân điều chỉnh: điều chỉnh quy mô dự án để phù hợp với nhu cầu sử dụng; điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư do tăng chi phí bồi hoàn; điều chỉnh thời gian thực hiện để phù hợp với tiến độ thực hiện dự án.

- Nội dung điều chỉnh:

+ Điều chỉnh quy mô: 03 hồ chứa, 05 trạm bơm, 04 trạm biến áp (90,355 ha)

+ Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư từ 440.000 triệu đồng lên 457.859 triệu đồng (tăng 17.859 triệu đồng).

+ Điều chỉnh thời gian thực hiện: năm 2019-2021.

(7) Đường liên xã Mỹ Khánh (từ cầu Thông Lưu đến cầu Cái Chiêng), thành phố Long Xuyên (dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh):

- Nguyên nhân điều chỉnh: điều chỉnh, bổ sung quy mô dự án để phù hợp với khả năng giải phóng mặt bằng; điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư do tăng chi phí bồi hoàn; điều chỉnh thời gian thực hiện để phù hợp với tiến độ thực hiện dự án.

- Nội dung điều chỉnh:

+ Điều chỉnh quy mô: chiều dài tuyến đường 5.290,85m, 01 cầu, 03 cống hộp và 06 cống tròn.

+ Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư tăng từ 90.000 triệu đồng lên 103.766 triệu đồng (tăng 13.766 triệu đồng).

+ Điều chỉnh thời gian thực hiện: năm 2015 - 2022.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm)

* Các danh mục dự án khác giữ nguyên theo danh mục ban hành kèm theo các Nghị quyết: Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018, Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

II. Về thông tin mỗi dự án bao gồm một số nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án;
2. Chủ đầu tư;
3. Địa điểm đầu tư;
4. Mục tiêu đầu tư;
5. Phạm vi;
6. Quy mô đầu tư;
7. Tổng mức đầu tư;
8. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư;
8. Thời gian thực hiện;
9. Tiến độ thực hiện;
10. Dự kiến kế hoạch vốn bố trí;
11. Cơ chế và giải pháp;

12. Chính sách thực hiện.

Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- TT.TU, UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa IX;
- Các Sở: TC, KH&ĐT;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, P. KTN,
KGVX, TH;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Phước